

BÀI 11 ぜひ来てください
ZEHI KITE KUDASAI

アンナ Anna	今週の土曜日に寮でパーティーを開きます。さくらさん、ぜひ来てください。 KONSHÛ NO DOYÔBI NI RYÔ DE PÂTÎ O HIRAKIMASU. SAKURA-SAN, ZEHI KITE KUDASAI.	Vào thứ Bảy tuần này, chúng tôi sẽ mở tiệc tại kí túc xá. Chị Sakura ơi, chị nhất định đến nhé!
さくら Sakura	わあ、行く行く。 今度の土曜日ね。 WÂ, IKU IKU. KONDO NO DOYÔBI NE.	Ồ, đi chứ, đi chứ! Thứ Bảy này có phải không?



Mẫu ngữ pháp

① Các ngày trong tuần

GETSUYÔBI	Thứ Hai
KAYÔBI	Thứ Ba
SUIYÔBI	Thứ Tư
MOKUYÔBI	Thứ Năm
KINYÔBI	Thứ Sáu
DOYÔBI	Thứ Bảy
NICHIYÔBI	Chủ Nhật

② Thể từ điển của động từ

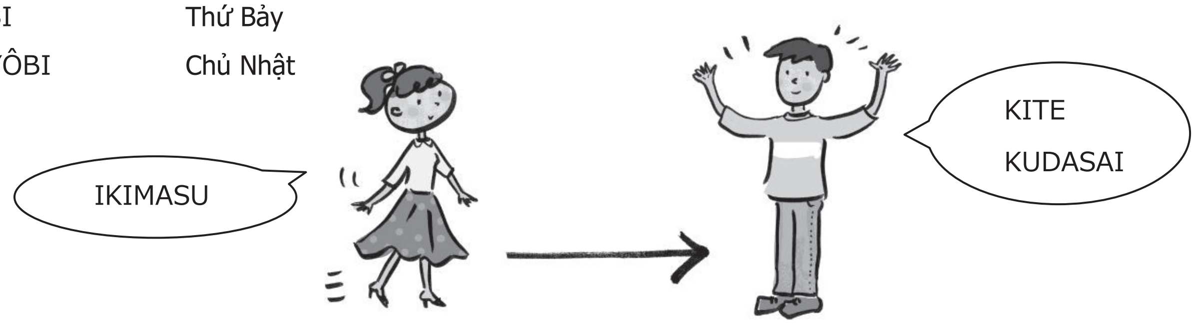
☞*Động từ : Xem trang 54, 55*

◈ Các từ điển tiếng Nhật liệt kê động từ ở dạng này.

◈ Sử dụng động từ ở thể này nghe sẽ thân mật hơn.

Ví dụ: IKIMASU (đi) ⇒ IKU

TABEMASU (ăn) ⇒ TABERU





Từ tượng thanh và tượng hình



Từ diễn tả tâm trạng phấn khích vì vui mừng hay mong chờ điều gì đó



Từ diễn tả trạng thái lâng lâng, sung sướng khi cảm thấy mọi việc diễn ra tốt đẹp